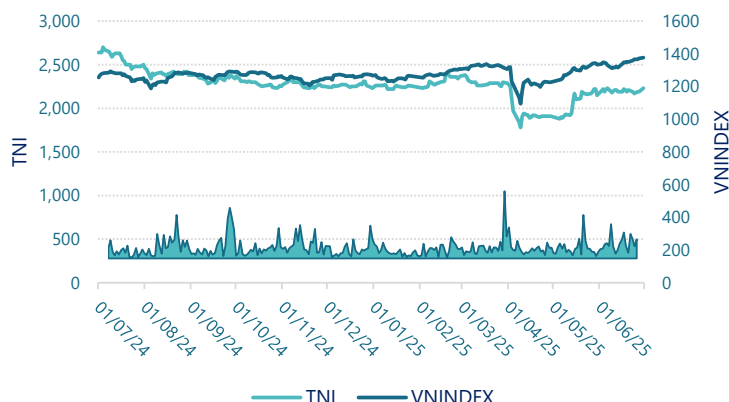


CTCP Tập đoàn Thành Nam (HSX: TNI)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	2,230
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	2,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,780
SL cổ phiếu LH	52,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	56,665
% sở hữu nước ngoài	0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	117
P/E	-11.1
EPS	-200

DT thuần

Q2/25

113

tỷ VNĐ

QoQ: ▼96.0| -45.9%

YoY: ▼111| -49.5%

LN sau thuế

Q2/25

10.4

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 15.8| 294%

YoY: ▲ 10.3| 11404%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

9.2%

+/- YoY: ▲ 5.3%

DT thuần

6T 2025

322

tỷ VNĐ

YoY: ▼29.0| -8.2%

LN sau thuế

6T 2025

5.00

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 13.9| 156%

ROE

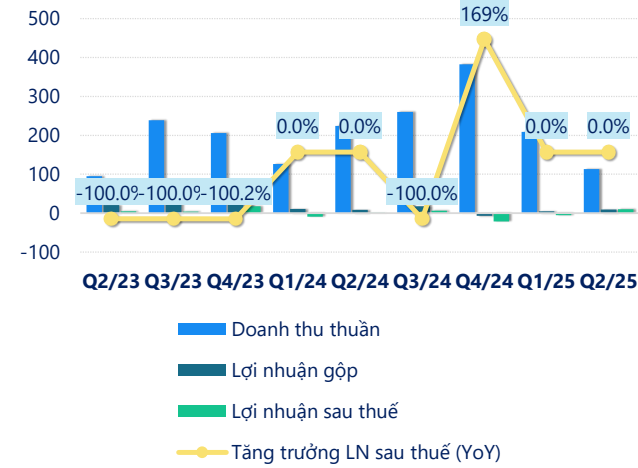
Q2/25

-2.0%

+/- YoY: ▼ 4.5%

tỷ VNĐ

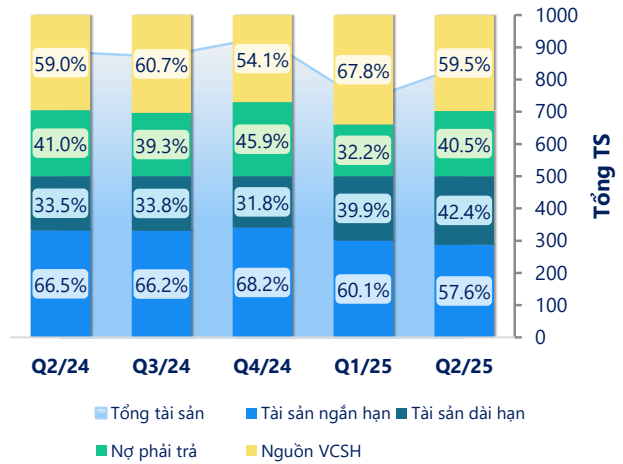
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

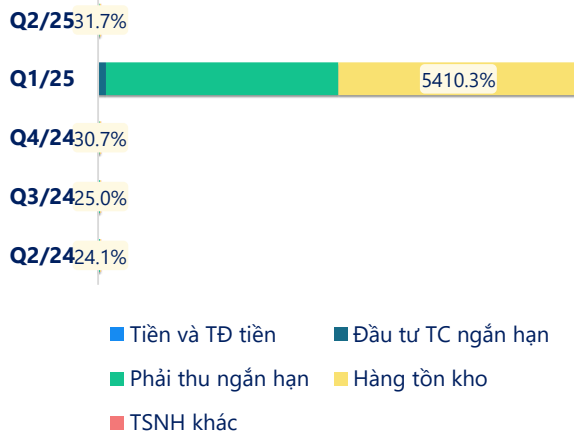
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



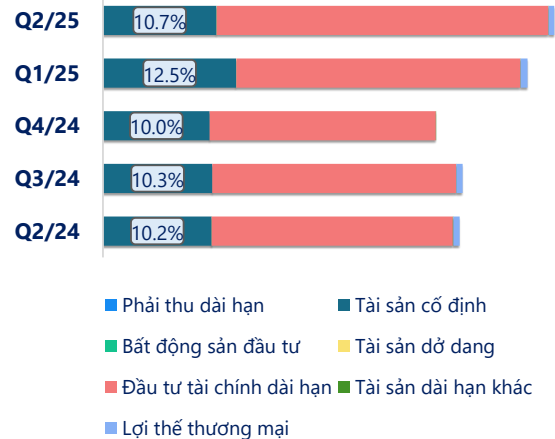
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

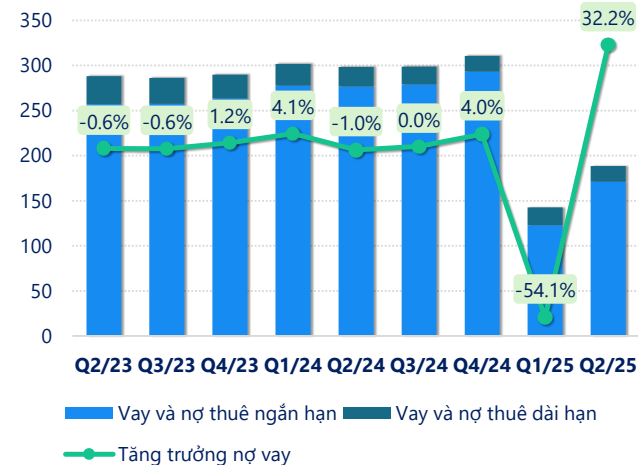
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

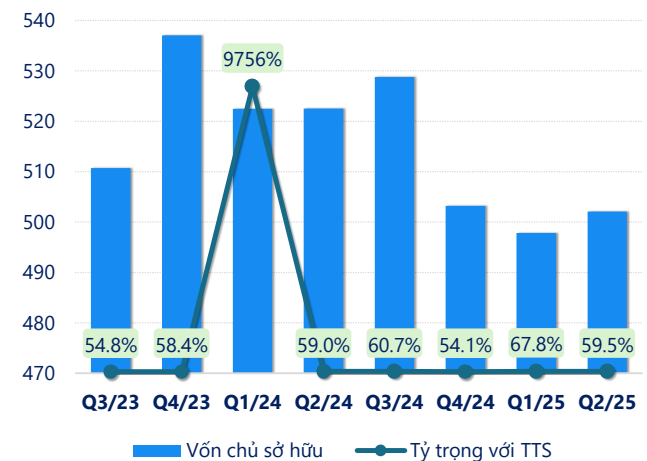
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

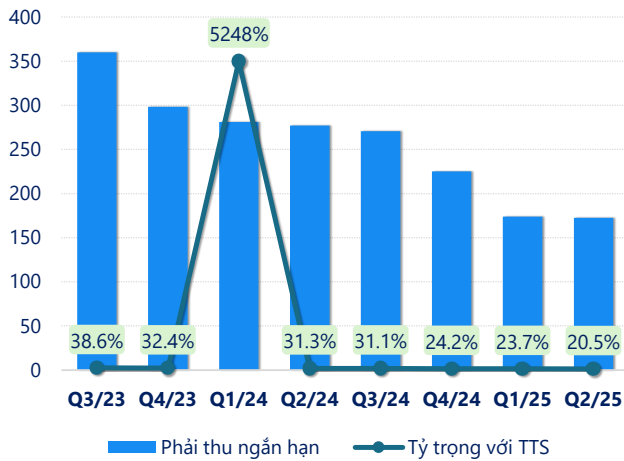
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



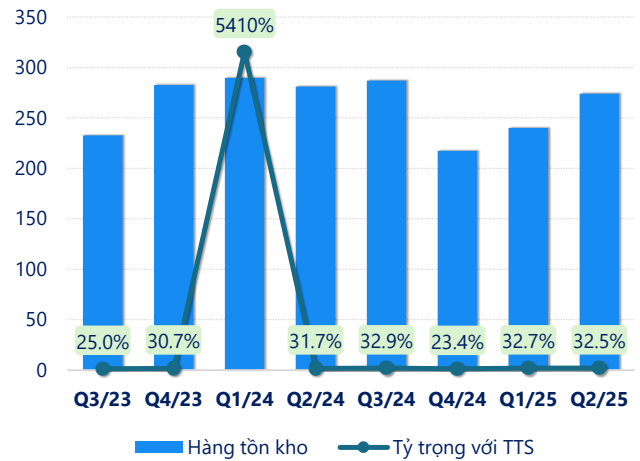
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


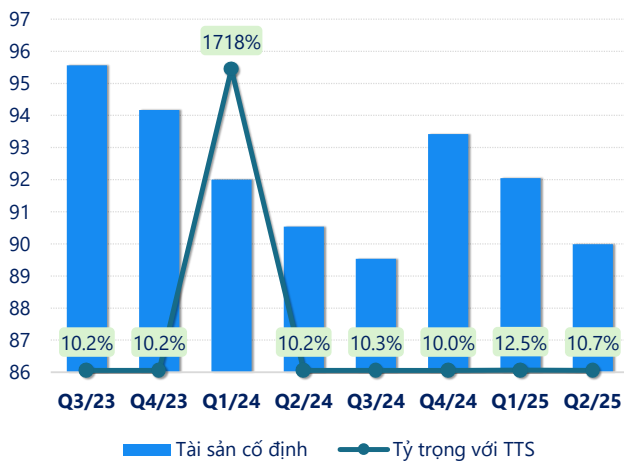
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


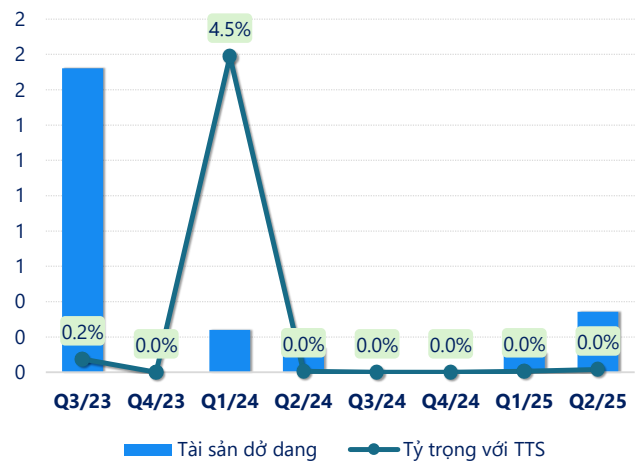
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

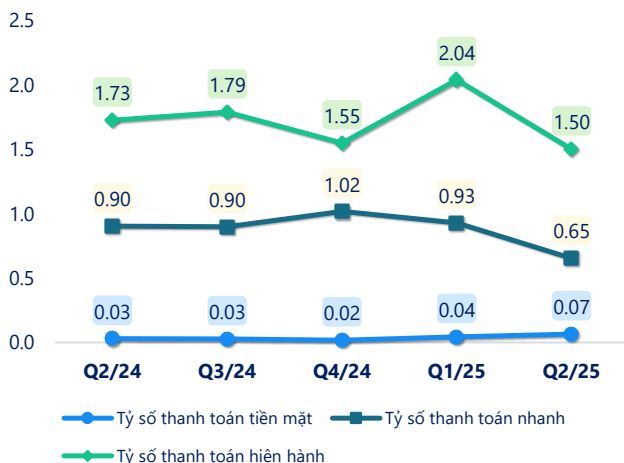
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

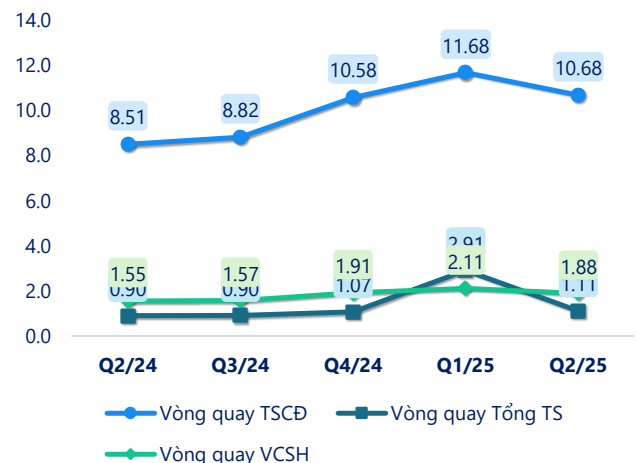
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	886	871	931	734	844
Tài sản ngắn hạn	589	577	634	441	486
Tiền và tương đương tiền	10.3	8.71	7.30	9.73	21.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9.80	10.1	176	9.10	9.17
Phải thu ngắn hạn	277	271	225	174	173
Hàng tồn kho	281	287	217	240	274
Tài sản ngắn hạn khác	10.9	0.40	8.37	8.47	8.71
Tài sản dài hạn	297	295	296	293	358
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	90.5	89.5	93.4	92.0	90.0
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.14	0	0	0.11	0.34
Đầu tư tài chính dài hạn	201	200	198	196	263
Tài sản dài hạn khác	0.28	0.29	0.26	0.23	0.29
Lợi thế thương mại	5.20	5.05	0	4.74	4.58
Nợ phải trả	364	342	427	236	342
Nợ ngắn hạn	341	323	410	216	324
Vay và nợ thuê ngắn hạn	277	279	293	123	171
Phải trả người bán ngắn hạn	44.7	32.9	93.1	77.3	105
Nợ dài hạn	22.2	19.8	17.7	20.0	17.8
Vay và nợ thuê dài hạn	22.0	19.7	17.5	19.8	17.4
Nguồn vốn chủ sở hữu	523	529	503	498	502
Vốn chủ sở hữu	523	529	503	498	502
Vốn điều lệ	525	525	525	525	525
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)